

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Chi phí phẫu thuật nạo và bằng Coblator tại bệnh viện nhi đồng 1 năm 2020

Bùi Đoàn Hải Linh^{1*}, Phùng Thanh Hùng², Phạm Đình Nguyên¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định chi phí đầy đủ của phẫu thuật nạo VA bằng Coblator tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp phương pháp định lượng và định tính thực hiện trên 192 bệnh nhân phẫu thuật nạo VA bằng Coblator tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2020, phỏng vấn 08 lãnh đạo bệnh viện và các khoa phòng.

Kết quả nghiên cứu: Chi phí đầy đủ trung bình đối với phương pháp nạo VA là 5.237.630 đồng bao gồm chi phí trực tiếp 4.665.916 đồng (89%) và chi phí gián tiếp 571.714 đồng (11%). Trong nhóm chi phí trực tiếp, chi phí thuốc và vật tư tiêu hao có tỷ trọng cao nhất 74,58%; tiếp theo là chi phí dành cho nhân sự thực hiện kỹ thuật 18,51%. Đối với nhóm chi phí gián tiếp, chi phí dành cho nhân sự hỗ trợ và quản lý có tỷ trọng cao nhất 68,41%; tiếp theo là chi phí khấu hao, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và vật tư trang thiết bị 24,97%. Chi phí đầy đủ được xác định trong nghiên cứu cao hơn mức giá đang áp dụng. Kết quả định tính ghi nhận tỷ trọng các cấu phần chi phí, giá dịch vụ kỹ thuật nạo VA bằng Coblator tương đối phù hợp và có thể áp dụng được.

Kết luận: Căn cứ theo kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất cập nhật giá viện phí từ 3.352.000 đồng (từ năm 2015) lên 6.044.723 đồng để bảo đảm nguồn thu, duy trì ổn định hoạt động bệnh viện.

Từ khóa: Chi phí phẫu thuật nạo VA, Bệnh viện Nhi Đồng 1, Coblator.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nạo VA là một trong những phẫu thuật phổ biến thuộc chuyên ngành Tai Mũi Họng Nhi. Tại Việt Nam, số bệnh nhi được nạo VA chiếm hơn 30% trẻ được phẫu thuật điều trị bệnh Tai Mũi Họng. Mỗi năm Bệnh viện Nhi Đồng 1 nạo VA khoảng 2.000 bệnh nhi trong đó trên 80% được phẫu thuật bằng Coblator (1). Giá đang áp dụng đối với phẫu thuật nạo VA bằng Coblator là mức phí được cơ quan Bảo hiểm y tế (BHYT) đồng ý thanh toán từ năm 2015. Đến nay giá của dịch vụ vẫn chưa điều chỉnh phù hợp với sự gia tăng chi phí thuốc, dụng cụ phẫu thuật, vật tư tiêu hao và chi phí nhân sự, chưa cập nhật đủ cấu

phần chi phí theo lộ trình tính đúng, tính đủ viện phí của Chính phủ (2), (3). Bệnh viện có khả năng sẽ gặp nhiều khó khăn khi thực hiện tự chủ tài chính. Với mong muốn xác định đầy đủ cấu phần chi phí của phẫu thuật nạo VA bằng Coblator để đề xuất viện phí phù hợp, chúng tôi tiến hành đề tài “Chi phí đầy đủ phẫu thuật nạo VA bằng Coblator tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2020”.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp định tính, định lượng.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Từ tháng



*Địa chỉ liên hệ: Bùi Đoàn Hải Linh
Email: buidoanhailinh1986@gmail.com

¹ Bệnh viện Nhi Đồng 1

² Trường Đại học Y Hà Nội

Ngày nhận bài: 16/12/2020

Ngày phản biện: 03/5/2021

Ngày đăng bài: 30/10/2021

7 đến tháng 10 năm 2020 tại Bệnh viện Nhi Đồng 1.

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu xác định chi phí dịch vụ kỹ thuật nạo VA bằng Coblator ở góc độ của nhà cung cấp dịch vụ. Đối tượng nghiên cứu gồm Hồ sơ bệnh án (HSBA) bệnh nhân được phẫu thuật nạo VA bằng Coblator và phòng văn lãnh đạo bệnh viện.

Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Định lượng: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng giá trị trung bình

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{\sigma^2}{(\epsilon \cdot \mu)^2}$$

Với $Z_{1-\alpha/2}$: với độ tin cậy 95% thì giá trị của $Z=1,96$; σ : giá trị ước lượng của độ lệch chuẩn; ϵ : sai số chấp nhận (0,05); μ : giá trị trung bình. Theo đánh giá sơ bộ chi phí điều trị của 38 bệnh nhi nạo VA từ 12/2019-02/2020, chúng tôi xác định $\sigma = 1.604.430$, $\mu = 4.879.294$, từ đó ước tính $n = 166,149$. Trong thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã thu dung 192 HSBA bệnh nhân nạo VA bằng Coblator.

Định tính: Phòng văn trực tiếp lãnh đạo bệnh viện.

Thu thập và xử lý số liệu

Số liệu định lượng:

Thu thập số liệu của ít nhất 167 bệnh nhân trong thời gian nghiên cứu; toàn bộ chi phí năm 2019 của khoa Tai Mũi Họng gồm: chi phí điện, nước, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, chi phí thường xuyên, chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng, trang thiết bị (chi phí trực tiếp) và toàn bộ số liệu về chi phí năm 2019 của 14 phòng ban chức năng (chi phí gián tiếp).

Sử dụng phương pháp phân bổ từ trên xuống để ước tính các chi phí gián tiếp; phương pháp phân bổ từ dưới lên để tính chi phí trực tiếp bao gồm nhân sự, thuốc, vật tư tiêu hao; phương pháp phân bổ từ trên xuống kết hợp với phương pháp phân bổ từ dưới lên để ước tính chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.

Số liệu thu thập được nhập vào phần mềm Excel và Epidata 3.1. Các biến số rời rạc trình bày dưới dạng tỷ lệ (%). Biến số liên tục có phân bố chuẩn trình bày dưới dạng trung bình. Biến số liên tục không có phân phối chuẩn được trình bày dưới dạng giá trị trung bình và khoảng.

- Số liệu định tính: Phòng văn trực tiếp 08 lãnh đạo (trưởng các phòng Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ, Hành chánh quản trị, Vật tư trang thiết bị; trưởng các khoa Dược, Tai mũi họng, Gây mê hồi sức) theo nội dung định hướng về chi phí, các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí, sự cần thiết phải cập nhật giá và mức độ hợp lý của giá đề xuất đối với dịch vụ kỹ thuật nạo VA bằng Coblator. Thông tin được xử lý theo phương pháp phân tích chủ đề, mã hoá và phân theo nhóm đối tượng.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ quy trình xét duyệt của Hội đồng Đạo đức - Trường Đại học Y tế Công cộng (Giấy Chấp thuận của Hội đồng Đạo Đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Tế Công Cộng Hà Nội số 269/2020/YTCC-HD3) và được Hội đồng Khoa học và Nghiên cứu Y sinh học Bệnh viện Nhi Đồng 1 thông qua.

KẾT QUẢ

Chi phí phẫu thuật nạo VA

Chi phí trực tiếp

Bảng 1. Chi phí thuốc, vật tư tiêu hao và dụng cụ phẫu thuật

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Thấp nhất	Trung bình	Trung vị	Cao nhất
VTTH và dao phẫu thuật	2.562.445	2.575.150	2.572.221	2.613.911
Thuốc	546.780	903.275	895.876	1.312.435
Tổng cộng	3.109.225	3.478.425	3.468.097	3.926.346

Bảng 2. Chi phí phân bổ điện, nước, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực và các chi phí khác

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Thành tiền
CP điện, nước, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường	154.066
CP duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa TTB, CSHT	53.526
CP thường xuyên khác	47.315
CP lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp	863.871
CP khấu hao CSHT trực tiếp	38.438
CP khấu hao TTB trực tiếp	30.275
Tổng cộng	1.187.491

Bảng 3. Chi phí trực tiếp trung bình trong 1 ca nạo VA bằng Coblator

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Thành tiền	Tỷ trọng (%)
Chi phí thuốc, vật tư tiêu hao, dao phẫu thuật	3.478.425	74,58
CP điện, nước, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường	154.066	3,3
CP duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa TTB, CSHT	53.526	1,14
CP thường xuyên khác	47.315	1,01
CP lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp	863.871	18,51
CP khấu hao CSHT trực tiếp	38.438	0,82
CP khấu hao TTB trực tiếp	30.275	0,64
Tổng cộng	4.665.916	100

Các bảng 1, 2, 3 cho thấy chi phí trực tiếp trung bình của 1 ca nạo VA bằng Coblaotor là 4.665.916 đồng trong đó chi phí thuốc, vật tư tiêu hao, dụng cụ phẫu thuật là 3.478.425

đồng (74,58%), chi phí nhân sự là 863,871 đồng (18,51%) và chi phí các khoản mục khác 6,91%.

Chi phí gián tiếp

Bảng 4. Phân bổ trung bình chi phí gián tiếp trong 1 ca nạo VA

Đơn vị: VNĐ		
Nội dung	Thành tiền	Tỷ lệ (%)
CP thường xuyên	37.867	6,62
CP lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp	391.134	68,41
Khấu hao CSHT, TTB	40.289	7,04
Chi phí Bảo dưỡng CSHT, TTB	102.422	17,93
Tổng chi phí gián tiếp	571.714	100

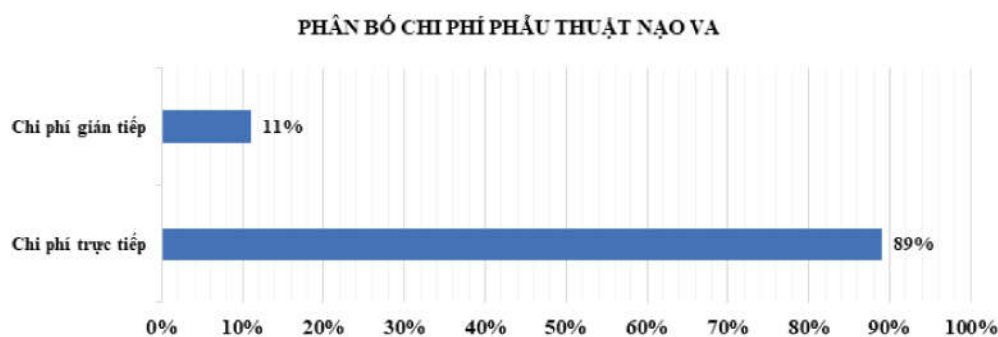
Bảng 4 cho thấy chi phí gián tiếp trung bình được phân bổ trong 1 ca nạo VA là 571.714 đồng trong đó nhiều nhất là chi phí dành cho nhân sự chiếm 68,41%, tiếp theo là chi phí

khấu hao, bảo dưỡng CSHT, TTB 24,97%, các khoản chi thường xuyên chiếm 7,04%.

Chi phí đầy đủ

Bảng 5. Chi phí đầy đủ của phẫu thuật nạo VA

Đơn vị: VNĐ				
Nội dung	Thấp nhất	Trung bình	Trung vị	Cao nhất
Chi phí trực tiếp	4.296.716	4.665.916	4.655.588	5.113.837
Chi phí gián tiếp	571.714	571.714	571.714	571.714
Chi phí đầy đủ	4.868.430	5.237.630	5.227.302	5.685.551



Biểu đồ 1. Phân bổ chi phí đầy đủ trong phẫu thuật

Bảng 5 và Biểu đồ 1 cho thấy chi phí đầy đủ trung bình của 1 ca nạo VA là 5.237.630 đồng, trong đó 89% chi phí trực tiếp 89% và 11% chi phí gián tiếp.

Giá dịch vụ kỹ thuật nạo VA

Bảng 6. Chênh lệch giữa chi phí với giá đang áp dụng

Đơn vị: VNĐ

Nội dung	Thấp nhất	Trung bình	Trung vị	Cao nhất
Chi phí 7 khoản mục	4.868.430	5.237.630	5.227.302	5.685.551
Chênh lệch so với giá	1.516.430	1.885.630	1.875.302	2.333.551

Bảng 6 cho thấy chi phí đầy đủ 07 khoản mục trung bình là 5.237.630 đồng. So với giá đang áp dụng thì cứ mỗi ca nạo VA trung bình bệnh viện sẽ mất 1.885.630 đồng.

Kết quả phỏng vấn định tính về chi phí phẫu thuật nạo VA đã ghi nhận: “.... để đảm bảo hoạt động, cần tính đúng, tính đủ viện phí, điều chỉnh giá phù hợp với chi phí bỏ ra nếu không sẽ thất thu rất lớn và gặp nhiều khó khăn khi tự chủ tài chính...”.

Bảng 7. Giá phẫu thuật nạo VA bằng Coblator đủ 7 cấu phần chi phí

Đơn vị: VNĐ

Chi phí 7 khoản mục (1)	Phí dự phòng (2) =5%*(1)	Phí tích lũy (3) =10%*(1)	Giá trước thuế (4) =(1)+(2)+(3)	Giá sau thuế (5) =102%*4
5.237.630	268.881	537.762	5.912.779	6.044.273

Chi phí đầy đủ gồm 7 cấu phần ước tính là 5.237.630 đồng. Với phí dự phòng và phí tích lũy bằng 15% chi phí đầy đủ và thuế thu nhập doanh nghiệp 2% thì giá xây dựng là 6.044.273 đồng.

Phỏng vấn định tính về việc cập nhật giá dịch vụ đã ghi nhận: “ Giá nạo VA bằng Coblator đang áp dụng không phù hợp với các chi phí bỏ ra vì vậy việc xây dựng giá mới rất cần thiết”. “Tỷ trọng các cấu phần chi phí và giá đề xuất tương đối hợp lý, có thể áp dụng được”.

BÀN LUẬN

Chi phí phẫu thuật nạo VA

Chi phí trực tiếp

Chúng tôi ghi nhận chi phí thuốc trung bình trong 01 ca nạo VA là 903.275 đồng. Chi phí thuốc có liên quan thời gian phẫu thuật. Thời

gian càng dài thì lượng thuốc sử dụng càng nhiều, chi phí càng cao. Kết quả của chúng tôi có điểm tương đồng với nghiên cứu của các tác giả khác. Theo Chang, chi phí phẫu thuật tỉ lệ thuận với thời gian thực hiện, chi phí nhân sự và thuốc đã sử dụng (6). Theo F.Gani (1), chi phí phẫu thuật phụ thuộc cơ sở vật chất, vật tư tiêu hao và kỹ năng của phẫu thuật viên. Chi phí thuốc, điều trị sẽ tăng nếu thời gian thao tác dài (7). Chi phí vật tư tiêu hao trung bình trong nghiên cứu của chúng tôi là 2.575.150 đồng trong đó chi phí Coblator chiếm 2.540.000 đồng. Tổng chi phí thuốc, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và dụng cụ phẫu thuật đối với 01 ca nạo VA bằng Coblator trung bình trong nghiên cứu của chúng tôi là 2.575.150 đồng. Chỉ riêng chi phí của nhóm cấu phần này (C1.1) đã tương đương với mức giá mà bệnh viện hiện đang áp dụng. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu chi phí đầu vào để cập

nhật viện phí đối với các dịch vụ kỹ thuật đang cung cấp. Căn cứ theo thời gian phẫu thuật, Báo cáo tài chính của Bệnh viện Nhi Đồng 1 (3), hướng dẫn phân loại phẫu thuật (Thông tư 50/2011/TT-BYT) (8), hướng dẫn chi phụ cấp khi thực hiện phẫu thuật (Quyết định 73/2011/QĐ-TTg) (9) và hướng dẫn tính khấu hao tài sản cố định (Thông tư 45/2018/TT-BTC), chúng tôi đã tính tổng chi phí nhân sự và các chi phí được phân bổ trực tiếp khác là 571.714 đồng. Trong đó chi phí nhân sự chiếm tỷ trọng 68,41%, chi phí khấu hao cơ sở hạ tầng-trang thiết bị và các chi phí thường xuyên khác chiếm 31,59%. Chi phí phát sinh tại phòng mổ trung bình là 4.665.916 đồng. Trong đó, chi phí thuốc và vật tư tiêu hao có tỷ trọng cao nhất chiếm 74,58%, tiếp theo là chi phí nhân sự chiếm tỷ trọng 18,51%. Kết quả của chúng tôi phù hợp với ghi nhận trong một số nghiên cứu về chi phí phẫu thuật ở trẻ em trên thế giới. Chi phí phẫu thuật nói chung và phẫu thuật nạo VA nói riêng sẽ thay đổi tùy theo uy tín, cơ sở vật chất và chi phí dành cho nhân sự của từng bệnh viện. Chi phí thuốc, vật tư tiêu hao, nhân sự chiếm từ 75-95% chi phí phát sinh trong phòng mổ (10)–(12). Nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy giá thành, năng suất, thời gian sử dụng và đặc biệt là độ bền của trang thiết bị đóng vai trò rất quan trọng. Chuyên nghiệp hoá nhân sự, tăng hiệu suất của phòng mổ và trang thiết bị giúp giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng điều trị (7), (13), (14).

Chi phí gián tiếp

Chi phí gián tiếp được tính toán theo phương pháp phân bổ từ trên xuống là 571.714 đồng. Trong đó chi phí nhân sự có tỷ trọng cao nhất chiếm 68,41%, tiếp theo là nhóm chi phí khấu hao, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và vật tư trang thiết bị chiếm 24,97%. Để giảm chi phí gián tiếp cần cải tiến quy trình tiếp nhận, nâng cao sự hài lòng người bệnh nhằm thu hút bệnh nhân từ đó giảm mức phân bổ các chi phí gián tiếp đối với mỗi lần thực hiện kỹ thuật (15).

Chi phí đầy đủ

Chi phí đầy đủ trung bình là 5.237.630 đồng (nhiều nhất là chi phí thuốc và vật tư tiêu hao 3.478.425 đồng chiếm 66,4%). Về tỷ trọng, nhóm chi phí trực tiếp chiếm 89% và chi phí gián tiếp chiếm 11%. Sự phân bố về tỷ trọng các khoản mục chi phí trong nghiên cứu của chúng tôi tương tự với ghi nhận trong các nghiên cứu về chi phí khác. Nghiên cứu về chi phí của Cunning Ham đã ghi nhận chi phí trực tiếp phát sinh trong phòng mổ chiếm gần hết tổng chi phí đầy đủ (16). Theo Sasindran, trong phẫu thuật cắt amidan, nạo VA thì chi phí trực tiếp bao gồm nhân sự, thuốc, vật tư tiêu hao, chi phí vận hành phòng mổ... chiếm hơn 80% chi phí đầy đủ (17). Nghiên cứu chi phí nạo VA của J.Simmonds (2018) đã ghi nhận chi phí trực tiếp chiếm gần 90% tổng chi phí, trong đó chi phí dành cho nhân sự, thuốc và vật tư tiêu hao chiếm khoảng 80% (18). Trong nhóm chi phí tại phòng mổ thì chi phí vật tư tiêu hao thường cố định theo gói kỹ thuật nên khó điều chỉnh. Để giảm chi phí cần rút ngắn thời gian phẫu thuật theo hướng chuyên nghiệp hoá nhân sự, tăng hiệu suất phòng mổ và cắt giảm chi phí quản lý, vận hành (13). Theo lộ trình tính đúng, tính đủ giá của Chính phủ, ở năm 2016, giá kỹ thuật được tính đủ chi phí tiền lương; năm 2018 sẽ bao gồm các khoản mục đã tính ở năm 2016 và chi phí trực tiếp khác; đến năm 2020 sẽ bổ sung thêm chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định (5). Mức viện phí hiện nay đối với kỹ thuật nạo VA bằng Coblator tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 chưa bao gồm chi phí quản lý, vận hành và khấu hao tài sản cố định.

Giá dịch vụ kỹ thuật nạo VA bằng Coblator

Giá dịch vụ kỹ thuật nạo VA bằng Coblator đang áp dụng tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 là mức trọn gói theo kỹ thuật được quy định bởi Thông tư 37/2015/TTLT-BYT-BTC (19), cơ cấu giá chỉ có 05 khoản mục chưa bao gồm chi phí quản lý, khấu hao cơ sở hạ tầng và tài sản cố định. Theo quy định, năm 2020

cơ cấu giá dịch vụ kỹ thuật phải có đầy đủ 7 thành phần chi phí (4), (5). Chi phí trung bình của phẫu thuật nạo VA bằng Colator có 7 thành phần trong nghiên cứu của chúng tôi là 5.237.630 đồng, cao hơn giá đang áp dụng. Cứ mỗi ca nạo VA được thực hiện, bệnh viện sẽ phải bù lỗ 1.885.630 đồng. Kết quả phỏng vấn lãnh đạo các khoa phòng đã ghi nhận lý do có sự chênh lệch giữa giá và chi phí là do giá đang áp dụng có từ năm 2015, chưa điều chỉnh theo sự tăng giá của thuốc, vật tư tiêu hao, điện nước; chưa có chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định. Nghiên cứu định tính của chúng tôi đã ghi nhận sự đồng thuận trong cập nhật giá trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ: *“cần tính đúng, tính đủ viện phí, điều chỉnh giá dịch vụ phù hợp với chi phí đã bỏ ra để tránh thất thu và khó khăn khi thực hiện tự chủ tài chính nhóm 1”*. Khi cập nhật viện phí, cần cân nhắc khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân để lập chiến lược triển khai và có chính sách hỗ trợ bệnh nhân thích hợp (20): *“điều chỉnh giá dịch vụ kỹ thuật rất cần thiết trong bối cảnh tự chủ tài chính. Tuy nhiên cần xem xét khía cạnh công bằng trong y tế và tham khảo viện phí các bệnh viện khác để đảm bảo cho người dân khả năng tiếp cận dịch vụ với giá thành hợp lý và nhận được sự hỗ trợ tốt nhất...”*.

Căn cứ theo quy định hiện hành và hướng dẫn về việc xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực Y tế (4), (5), (20), (21), chúng tôi xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật nạo VA có đầy đủ cấu phần chi phí đầu vào và các chi phí tích lũy, tái đầu tư và phát triển bệnh viện là 6.044.273 đồng. Giá đề xuất cao hơn so với giá đang áp dụng 2.692.273 đồng. Khi được phỏng vấn về các khoản mục chi phí và mức giá đề xuất, người tham gia đều cho rằng các khoản mục chi phí và tỷ trọng các khoản mục trong cơ cấu giá đã xây dựng tương đối phù hợp và thống nhất áp dụng giá đề xuất: *“tỷ trọng các cấu phần chi phí được xây dựng và giá đề xuất đối với phẫu thuật nạo VA bằng Coblator tương đối hợp lý, có thể áp dụng được”*.

Hạn chế của nghiên cứu

Ở góc độ nhà cung cấp dịch vụ, nghiên cứu chỉ tập trung phân tích các khoản mục và xác định chi phí phải bỏ ra để thực hiện phẫu thuật nạo VA bằng Coblator từ lúc bệnh nhi được chuyển vào phòng mổ cho đến lúc kết thúc phẫu thuật. Do thời gian thực hiện ngắn, nghiên cứu chưa phân tích đầy đủ chi phí khám chữa bệnh, chi phí thực hiện xét nghiệm tiền phẫu và các chi phí cơ hội mà thân nhân phải chi trả cho việc đi lại, ăn uống, giảm thu nhập do nghỉ làm... (15), (10), (22), (23). Nghiên cứu cũng chưa khảo sát mức thu nhập bình quân và đánh giá khả năng chi trả của thân nhân nhằm có chiến lược cung cấp dịch vụ hiệu quả và có chính sách hỗ trợ bệnh nhân thích hợp (15), (24).

KẾT LUẬN

Trong thời gian từ tháng 01/4/2020-30/10/2020 chúng tôi đã thu dung 192 trường hợp phẫu thuật nạo VA bằng Coblator, phỏng vấn 8 lãnh đạo khoa phòng tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 và ghi nhận:

Chi phí đầy đủ trung bình là 5.237.630 đồng, bao gồm chi phí trực tiếp 4.665.916 đồng (89%) và chi phí gián tiếp 571.714 đồng (11%). Trong nhóm chi phí trực tiếp, chi phí thuốc và vật tư tiêu hao có tỷ trọng cao nhất chiếm 74,58%; tiếp theo là chi phí dành cho nhân sự thực hiện kỹ thuật chiếm 18,51%. Đối với nhóm chi phí gián tiếp, chi phí dành cho nhân sự có tỷ trọng cao nhất chiếm 68,41%; tiếp theo là chi phí khấu hao, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và vật tư trang thiết bị 24,97%. Chi phí đầy đủ gồm 7 thành phần đã xác định trong nghiên cứu cao hơn mức giá đang áp dụng 1.885.630 đồng do bổ sung chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định. Kết quả nghiên cứu định tính đã ghi nhận tỷ trọng của các khoản mục chi phí đối với chi phí đầy đủ của phẫu thuật nạo VA bằng Coblator tương đối hợp lý. Mức giá đề xuất áp dụng đối với phẫu thuật nạo VA bằng

Coblator là 6.044.273 đồng. Kết quả nghiên cứu định tính đã ghi nhận mức giá đề xuất tương đối hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của bệnh viện và có thể áp dụng được.

Để tránh thất thu khi cung cấp phẫu thuật nạo VA bằng Coblator, chúng tôi đề xuất cập nhật giá đối với dịch vụ kỹ thuật này và kiến nghị xây dựng trọn gói đối với thuốc, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế theo từng kỹ thuật để quản lý các khoản mục này chặt chẽ hơn nhằm giảm chi phí đầu vào hiệu quả, hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Phấn, “Phẫu thuật nạo VA,” *Viêm VA*, Nhà Xuất Bản Y Học, 2011.
2. S. T. Babakurban and E. Aydın, “Adenoidectomy: current approaches and review of the literature Adenoidektomi: Günümüz yaklaşımları ve literatür derlemesi,” *Kulak Burun Bogaz Ihtis Derg*, vol. 26, no. 3, pp. 181–190, 2016.
3. Bệnh viện Nhi Đồng 1, “Báo cáo tổng kết hoạt động Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2019,” 2019.
4. Nghị định số 85/2012/NĐ-CP Nghị định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, *Chính Phủ*, 2012.
5. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, *Chính Phủ*, 2015.
6. J. J. Chang, P. Buchanan, C. Geremakis, K. Sheikh, and R. B. Mitchell, “Cost analysis of tonsillectomy in children using medicaid data,” *J. Pediatr*, vol. 164, no. 6, pp. 1346–1351.e1, Jun. 2014.
7. F. Gani, J. Hundt, M. Daniel, J. E. Efron, M. A. Makary, and T. M. Pawlik, “Variations in hospitals costs for surgical procedures: inefficient care or sick patients?,” in *American Journal of Surgery*, 2017, vol. 213, no. 1, pp. 1–9.
8. Bộ Y Tế, “Thông tư 50/2011/TT-BYT Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật,” 2011.
9. Quyết định số 73/2011/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ : Về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch,” 2011.
10. J. R. Shea and K. E. McHugh, “A Review of the Use of Large Datasets for Ascertainment of Cost Variation Across Institutions in Pediatric Medicine,” *Curr. Treat. Options Pediatr*, vol. 2, no. 4, pp. 280–288, 2016.
11. N. Raol, C. K. Zogg, E. F. Boss, and J. S. Weissman, “Inpatient pediatric tonsillectomy: Does hospital type affect cost and outcomes of care?,” *Otolaryngol. - Head Neck Surg. (United States)*, vol. 154, no. 3, pp. 486–493, 2016.
12. J. D. Meier, Y. Zhang, T. H. Greene, J. L. Curtis, and R. Srivastava, “Variation in pediatric outpatient adenotonsillectomy costs in a multihospital network,” in *Laryngoscope*, 2015, vol. 125, no. 5, pp. 1215–1220.
13. A. Rashidian, M. Radinmanesh, M. Afshari, M. Arab, and Z. Shahinfar, “The Comparison of the Global Surgery Fees and the Actual Cost in Two Educational Hospitals Affiliated to Tehran University of Medical Sciences,” *Evid. Based Heal. Policy, Manag. Econ.*, no. January, 2019.
14. D. Hamilton, C. Hulme, L. Flood, and S. Powell, “Cost-utility analysis and otolaryngology,” *J. Laryngol. Otol.*, vol. 128, no. 2, pp. 112–118, Feb. 2014.
15. Hoàng Văn Minh, “Khái niệm, phân loại và phương pháp tính toán chi phí,” *Giáo trình Đánh giá kinh tế Y tế cơ bản*, Nguyễn Quỳnh Anh. Nhà Xuất Bản Y Học, 2019, tr. 84–113.
16. L. C. Cunningham and E. G. Chio, “Comparison of outcomes and cost in patients undergoing tonsillectomy with electrocautery and thermal welding,” *Am. J. Otolaryngol. - Head Neck Med. Surg.*, vol. 36, no. 1, pp. 20–23, Jan. 2015.
17. V. Sasindran, N. Mathew, A. K. Shabna, and B. Harikrishnan, “Comparison of Coblation Tonsillectomy vs Dissection Tonsillectomy,” *Int. J. Otolaryngol. Head Neck Surg.*, vol. 8, pp. 49–60, 2015.
18. J. C. Simmonds, R. J. Hollis, R. K. Tamberino, M. A. Vecchiotti, and A. R. Scott, “Comparing the real and perceived cost of adenotonsillectomy using time-driven activity-based costing,” *Laryngoscope*, pp. 1–7, 2018.
19. Bộ Tài Chính-Bộ Y Tế, “Thông tư liên tịch số 37/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2015,” 2015.
20. Võ Xuân Phú, “Phí khám ,chữa bệnh,” *Giáo trình Tài chính Y tế*, Nhà Xuất Bản Y Học, 2019, tr. 57–91.
21. Luật số 11/2012/QH13 của Quốc Hội: Luật giá, 2012.
22. G. H. Sun, K. A. Auger, O. Aliu, S. W. Patrick, S. DeMonner, and M. M. Davis, “Variation in Inpatient Tonsillectomy Costs Within

- and Between US Hospitals Attributable to Postoperative Complications,” *Med. Care*, vol. 51, no. 12, pp. 1048–1054, Dec. 2013.
23. G. Gudnadottir, G. R. Tennvall, J. Stalfors, and J. Hellgren, “Indirect costs related to caregivers’ absence from work after paediatric tonsil surgery,” *Eur. Arch. Oto-Rhino-Laryngology*, vol. 274, no. 6, pp. 2629–2636, 2017.
24. Nguyễn Xuân Quang, “Nghiên cứu khách hàng và cách mua sắm,” *Giáo trình marketing thương mại*, Nhà Xuất Bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2012, tr. 79–81.

The full cost of coblator adenoidectomy at Children Hospital 1 in 2020

Bui Doan Hai Linh¹, Phung Thanh Hung², Pham Dinh Nguyen¹

¹Children’s Hospital 1

²Hanoi Medical University

Objective: Determine full cost of Coblator adenoidectomy at Children’s Hospital 1 in 2020. **Methods:** Cross descriptive study, combining quantitative and qualitative methods performed on 192 Coblator adenoidectomy children, and interviewed 08 leaders of relevant departments in 2020. **Results:** The average full cost for Coblator adenoidectomy was 5,237,630 VND including direct cost 4,665,916 VND (89%) and indirect cost 571,714 VND (11%). In the direct cost group, the cost of drugs and consumables had the highest proportion at 74.58%; followed by a cost of 18.51% for the surgery team. For the indirect cost group, the cost for support and management personnel was the highest proportion of 68.41%; This was followed by depreciation costs (to maintain infrastructure and supplies and equipment) up 24.97%. The total cost identified in the study was higher than the recently price. The qualitative study results recording the proportion of cost components, the price of Coblator adenoidectomy were relatively appropriate and could be launched. **Conclusion:** Based on study results, we propose to adjust Coblator adenoidectomy fees from 3,352,000 VND (since 2015) to 6,044,723 VND to ensure revenue sources and maintain stable operation of the hospital.

Key words: Cost of adenoidectomy, Children’s hospital 1, Coblator.